

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/KDTM-ST
Ngày: 16-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần

2. Bà Huỳnh Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 36/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ trụ sở: Ô số 004, lô M15 đường L, khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1995; địa chỉ: 84 N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 16/3/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH N; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 837, tờ bản đồ số 49, đường N, khu phố 8, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2022, Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty X) có bán cho Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N) hàng hoá là ván MDF các loại, việc mua bán giữa hai công ty không lập hợp đồng bằng văn bản. Hai bên

thoả thuận hình thức mua bán như sau, khi Công ty N cần mua hàng sẽ liên hệ qua điện thoại cho Công ty X để đặt hàng, nhận được yêu cầu đặt hàng từ Công ty N, nhân viên của Công ty X tiến hành việc giao hàng và lập phiếu giao hàng, có ký xác nhận của nhân viên Công ty N. Sau khi giao hàng, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho từng đợt hàng. Sau 30 ngày từ khi Công ty X xuất hoá đơn giá trị gia tăng Công ty N phải thanh toán tiền hàng.

Thực hiện theo thoả thuận nêu trên, năm 2022, Công ty TNHH X đã giao cho Công ty N 03 đợt hàng vào tháng 5, tháng 6 và tháng 10 năm 2022 với tổng giá trị hàng hoá là 2.886.739.563 đồng được thể hiện thông qua 05 hoá đơn giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

- Hoá đơn số 127 ngày 23/5/2022, số tiền 986.485.911 đồng, Công ty N đã thanh toán được số tiền 486.485.911 đồng, còn nợ số tiền 500.000.000 đồng.

- Hoá đơn số 166 ngày 31/5/2022, số tiền 612.132.941 đồng, Công ty N đã thanh toán được số tiền 112.132.941 đồng, còn nợ số tiền 500.000.000 đồng.

- Hoá đơn số 215 ngày 20/6/2022, số tiền 661.314.873 đồng, Công ty N đã thanh toán được số tiền 161.314.873 đồng, còn nợ số tiền 500.000.000 đồng.

- Hoá đơn số 0000186 ngày 26/10/2022, số tiền 307.349.400 đồng, Công ty N chưa thanh toán.

- Hoá đơn số 0000200 ngày 29/10/2022, số tiền 319.456.438 đồng, Công ty N chưa thanh toán.

Tổng số tiền nợ Công ty N đã thanh toán là 759.933.725 đồng, số tiền còn nợ là 2.126.805.838 đồng. Công ty X đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng Công ty N không thực hiện, việc bị đơn chậm thanh toán tiền mua hàng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty N thanh toán số tiền hàng còn nợ là 2.126.805.838 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc với mức lãi suất 1%/tháng tương ứng với từng hoá đơn giá trị gia tăng với số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 131.340.291 đồng.

Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với đợt giao hàng tháng 10/2022 với hai hoá đơn số 0000186 ngày 26/10/2022 và hoá đơn số 0000200 ngày 29/10/2022. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 1.633.500.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi là 133.500.000 đồng. Nợ lãi được tính với mức lãi suất 1% trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán, cụ thể như sau: Hoá đơn số 127 ngày tính lãi từ 04/8/2022 đến 16/6/2023 số tiền 52.000.000 đồng; hoá đơn số 166 ngày tính lãi từ 12/10/2022 đến 16/6/2023 số tiền 40.666.667 đồng; hoá đơn số 215 ngày tính lãi từ 11/10/2022 đến 16/6/2023 số tiền 40.833.333 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- *Đối với bị đơn Công ty TNHH N:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 09/5/2023, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ với yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết để triệu tập bị đơn làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 30/5/2023 và 16/6/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng của đợt hàng tháng 10/2022. Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Xét lời trình bày của nguyên đơn xác định vào năm 2022, Công ty X và Công ty N thỏa thuận về việc mua bán hàng hoá, theo đó Công ty X bán cho Công ty N loại hàng ván MDF các loại, số lượng và chủng loại hàng sẽ tùy thuộc vào từng đợt đặt hàng của Công ty N. Về phương thức giao hàng, sau khi nhận được yêu cầu đặt hàng của Công ty N thì Công ty X cho nhân viên vận chuyển hàng giao cho Công ty N, việc chuyển giao hàng được nhân viên công ty của hai bên ký xác nhận trong phiếu giao hàng do Công ty X lập. Sau khi giao hàng hai bên sẽ tiến hành đối chiếu công nợ và xuất hoá đơn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đối chiếu công nợ. Thực hiện theo thỏa thuận trong tháng 5, tháng 6 năm 2022, Công ty X đã giao cho Công ty N ba đợt hàng vào các ngày 19, 20, 21, 26, 28, 31 tháng 5 năm 2022, ngày 08, 09, 13 tháng 6 năm 2022. Công ty N đã nhận

hàng được thể hiện thông qua các phiếu giao hàng do nguyên đơn cung cấp. Công ty X đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 127 ngày 23/5/2022 với trị giá 986.485.911 đồng và hoá đơn số 166 ngày 31/5/2022 trị giá 612.132.941 đồng cho đơn hàng của tháng 5/2022; hoá đơn giá trị gia tăng số 215 ngày 20/6/2022 trị giá 661.314.873 đồng cho đơn hàng của tháng 6/2022. Bị đơn đã thanh toán được một phần tiền mua hàng thông qua hình thức chuyển khoản cho Công ty nguyên đơn theo các hoá đơn số 127 ngày 23/5/2022 thanh toán được số tiền 486.485.911 đồng, còn nợ số tiền 500.000.000 đồng; hoá đơn số 166 ngày 31/5/2022 thanh toán được số tiền 112.132.941 đồng; hoá đơn số 215 ngày 20/6/2022 thanh toán được số tiền 161.314.873 đồng. Tổng số tiền bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn là 759.933.725 đồng, số tiền còn nợ là 1.500.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số nợ là 1.500.000.000 đồng.

Xét thoả thuận mua bán hàng hoá giữa Công ty X và Công ty N được giao kết bằng miệng, không thông qua văn bản nhưng hai bên đã tiến hành thực hiện việc thoả thuận mua bán hàng hoá. Phía nguyên đơn đã giao hàng cho phía bị đơn hai đợt vào các tháng 5, tháng 6 năm 2022 được thể hiện thông qua chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là phiếu giao hàng, các hoá đơn giá trị gia tăng, thời gian giao hàng đã lâu nhưng phía bị đơn từ khi nhận hàng không có ý kiến phản đối về chất lượng, số lượng, giá tiền của hàng hoá đã giao. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn một phần số tiền nợ của các đơn hàng tháng 5, tháng 6 năm 2022 được thể hiện thông qua sao kê tài khoản ngân hàng của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ giao dịch mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn là thật, bởi lẽ nếu bị đơn không có giao dịch mua bán hàng hoá với nguyên đơn sẽ không có việc bị đơn chuyển tiền thanh toán các hoá đơn số 127, 166 và 215 cho nguyên đơn như bảng sao kê tài khoản thể hiện. *Do đó, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005 nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.* Tổng trị giá của hai đợt giao hàng là 2.259.933.725 đồng, bị đơn đã thanh toán được số tiền 759.933.725 đồng. Xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc còn lại là 1.500.000.000 đồng

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc: Công ty X yêu cầu Công ty N trả tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định. Như đã phân tích ở phần trên do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Công ty N phải thanh toán cho Công ty X số tiền lãi là 133.500.000 đồng.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Xương Phát. Buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty X tổng số tiền là 1.633.500.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty N phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ X đối với bị đơn Công ty TNHH N về yêu cầu thanh toán tiền hàng tháng 10/2022 với số tiền nợ gốc là 626.805.838 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng) và tiền lãi là 31.340.291 đồng (Ba mươi một triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, hai trăm chín mươi một đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ X đối với bị đơn Công ty TNHH N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH N thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền 1.633.500.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng), bao gồm nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), tiền lãi chậm thanh toán là 133.500.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH N phải chịu 61.005.000 đồng (Sáu mươi một triệu, không trăm lẻ năm nghìn đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ X số tiền 38.581.461 đồng (Ba mươi tám triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007506 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết